

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 14/9/2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy- Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/HNGĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2020/HNGĐ-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2020/QĐXXPT- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 99/TB-TA ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn : Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987.

HKTT : Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.

Hộ khẩu tạm trú : Số nhà 10, Tổ 13, Đường Y, Phường S, quận M, Tp. Hà Nội.

Địa chỉ nơi làm việc : Số 10, Lô 6, Đền Lừ 2, phường T, Quận M, Tp. Hà Nội.

2. Bị đơn : Anh Vũ Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ : Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.

3. Người kháng cáo: Anh Vũ Văn T – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Về quan hệ hôn nhân:

- Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Vũ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã T theo luật định. Quá trình chung sống, vợ chồng chị xảy ra rất nhiều

mâu thuẫn trong cách sống, sinh hoạt, trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Do quá chán nản, giữa năm 2018 chị đã thuê nhà trên Hà Nội sinh sống và làm việc, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để cả hai giải thoát cho nhau khỏi sự ràng buộc.

- Theo bị đơn anh Vũ Văn T trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, mỗi người một quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau. Đến tháng 7/2018, anh chị đã sống ly thân, mỗi người có một cuộc sống riêng. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh nhất trí để cả 2 sớm ổn định cuộc sống.

* Về quan hệ con chung: Chị N và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tân K, sinh ngày 05/01/2012 và Vũ Trúc Q, sinh ngày 13/11/2014, hiện cả 02 con chung đang ở với anh T. Ly hôn, chị N có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Q và để anh T nuôi dưỡng cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con, tự nguyện không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T, chị N đều chứng minh có thu nhập đủ điều kiện để nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2020/HNGĐ-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện M đã áp dụng khoản 1 Điều 51; 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Tân K, sinh ngày 05/01/2012, hiện đang ở với anh T cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; Giao con chung Vũ Trúc Q, sinh ngày 13/11/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/6/2020 anh T kháng cáo về phần con chung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cho anh nuôi cả 2 con chung, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T vẫn giữ

nguyên nội dung kháng cáo. Chị N có quan điểm không đồng ý với nội dung kháng cáo của anh T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Thực tế anh T và chị N đều có công việc và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên cháu Q là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ. Do vậy Tòa án sơ thẩm giao cho anh T và chị N mỗi người nuôi một con là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét quan điểm của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn T kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của anh Vũ Văn T, Hội đồng xét xử thấy:

Anh T kháng cáo cho rằng chị N có nơi ở không rõ ràng, chỗ ở không ổn định, môi trường sống phức tạp sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình học tập và hình thành nhân cách của cháu Vũ Trúc Q. Mặt khác từ năm 2018 đến nay chị N bỏ đi không chu cấp về kinh tế cũng như quan tâm, chăm lo đến sức khỏe của các con, thể hiện sự vô trách nhiệm của chị N. Các con ở với anh được đảm bảo học tập và phát triển tốt nên anh không đồng ý giao cháu Q cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên chị N không thừa nhận mà cho rằng trước khi anh T đi nước ngoài, anh chị và các con đã sinh sống, làm việc tại Hà Nội. Năm 2018 anh T về Việt Nam mới đón cháu Q về quê, anh T và gia đình đã ngăn cấm không cho chị gặp và chăm sóc các con.

Về điều kiện kinh tế: Căn cứ lời khai của chị N và các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy, hiện chị N làm kế toán cho công ty TNHH thương mại dịch vụ và đầu tư xây dựng Hùng Thắng, mức lương thu nhập của chị là 15.000.000 đồng/tháng. Với công việc và với mức thu nhập như vậy chị N có đủ điều kiện để thuê nhà, nuôi con và chăm sóc cho con. Mặt khác cháu Q là con gái nên quá trình phát triển của cháu cần sự chăm sóc của mẹ. Ngoài ra bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ của chị N cũng có quan điểm sẽ hỗ trợ chị N trong việc đưa đón, chăm sóc nuôi con.

Đối với anh T cũng chứng minh được điều kiện nuôi con, nhưng nếu để anh T một mình nuôi dưỡng, chăm sóc cả 2 con chung sẽ vất vả và khó khăn hơn. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm giao cho anh T nuôi cháu K, chị N nuôi cháu Q là phù hợp với pháp luật và đảm bảo được quyền lợi của các con, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Vũ Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2020/HNGĐ - ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương về phần nuôi con như sau:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về con chung: Giao con chung Vũ Tân K, sinh ngày 05/01/2012, hiện đang ở với anh T cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; Giao con chung Vũ Trúc Q, sinh ngày 13/11/2014 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002181 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, anh T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 14/9/2020./.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương
- TAND huyện M;
- Chi cục THA huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền